TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 30/7/2021
V/v ly hôn giữa chị T và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông: Trương Ngọc Nhân, bà: Cao Thị Thu Ngà

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

***- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa*:** ông Tô Hoài – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST – HNGĐ ngày 25/4/2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Cao Thị T; sinh năm 1992
Địa chỉ: bản H, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.
2. Bị đơn: anh Đinh Minh H; sinh năm 1984
Địa chỉ: thôn Q, xã X, huyện Mi, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: tiểu khu 1, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

Ông Hồ Hải D – phó giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/6/2021); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2021 và trong bản tự khai cũng như tại quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

- về hôn nhân: chị và anh H quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào 13/9/2011 tại UBND xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau một thời gian chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không hợp nhau về quan điểm sống cũng như quan hệ vợ chồng vài năm trở lại đây anh H sinh ra nhiều thói hư tật xấu thường xuyên uống rượu và chơi cờ bạc, chị T cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H vẫn không thay đổi còn dùng lời lẽ xúc phạm chị T, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện tại chị cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh H nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh H.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có hai con chung cháu Đinh Joong M, sinh ngày 01/6/2012 và cháu Đinh Mỹ C, sinh ngày 10/9/2015, hiện tại hai con đang ở với anh H, nguyện vọng của chị T là xin được nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị là lao động tự do có thu nhập không ổn định.

- tài sản chung: đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản chung là 01 ngôi nhà tại thôn Quy Hợp, xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- nợ vay chung: đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung số tiền 50.000.000 đ vay tại phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án anh Đinh Minh H trình bày:

- về hôn nhân: anh và chị T có kết hôn và chung sống đúng như lời trình bày của chị T và đồng ý ly hôn như ý kiến của chị T.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 02 con chung là Đinh Joong M, sinh ngày 01/6/2012 và cháu Đinh Mỹ C, sinh ngày 10/9/2015, hiện tại hai con đang ở với anh H, nguyện vọng của anh H xin nuôi hai con và yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng mỗi tháng 500.000/con. Hiện tại anh đang làm việc tại công ty TNHH Diến Hồng lương tháng 8.000.000 đ.

- tài sản chung: đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản chung là 01 ngôi nhà tại thôn Quy Hợp, xã Xuân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- nợ vay chung: đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung số tiền 50.000.000 đ vay tại phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; đối với khoản tiền lãi mà anh H đã trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình từ năm 2019 số tiền 8.256.229 đ đề nghị chị T trả lại cho anh H một nửa.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2021 của ông Hồ Hải D: ông H và bà T được cấp hội nhận ủy thác và ban quản lý tổ tiết kiệm và vay vốn thôn Quy Hợp, xã Xuân Hóa xét cho vay với tổng số tiền 50.000.000 đ. Vào ngày 06/6/2019, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cho vay số tiền 50.000.000 đ, vay vốn hộ nghèo, số tiền lãi chưa trả đến ngày 22/6/2021 là 173.000 đ, hiện người thừa kế xin ly hôn và phân chia tài sản kính đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tránh gây thất thoát cho nhà nước.

Tại bản tự khai cháu Đinh Joong M có mong muốn được ở với anh H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không đạt kết quả.

Ngày 14/7/2021, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, kết quả thẩm định và định giá:

- 01 ngôi nhà kết cấu sườn gỗ, cửa gỗ đơn giản, mái lợp tôn, xung quanh thưng ván gỗ, nền láng xi măng, được xây dựng vào năm 2015, diện tích 9,1m x 8,1m có trị giá: 69.416.000 đ.

- 01 nhà bếp mái ngói Fibroximang đơn giản, xung quanh thưng Fibroximang, nền láng xi măng, được xây dựng vào năm 2019 có diện tích 3m x 6 m có trị giá 3.588.000 đ.

Tại phiên toà:

Chị T: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, mong Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: xin nuôi dưỡng cháu Đinh Mỹ C và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, chị T mặc dù không có thu nhập ổn định nhưng chắc chắn sẽ nuôi dưỡng được cháu C, sẽ đảm bảo được cuộc sống cho cháu C.

Về tài sản chung: chị T sẽ lấy ngôi nhà và trả tiền chênh lệch cho anh H.

Về khoản vay chung: đề nghị Tòa án chia đôi vay số tiền 50.000.000 đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; đối với khoản tiền lãi mà anh H đã trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình từ năm 2019 số tiền 8.256.229 đ đồng ý chia đôi, chị T sẽ trả cho anh H số tiền 4.128.000 đ.

Anh Hải: về quan hệ hôn nhân: đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh H có nguyện vọng nuôi hai con lý do từ khi sinh hai con ra được gần 02 năm thì chị T đã bỏ đi không ở nhà để chăm sóc hai con.

Về tài sản chung: nếu ai lấy nhà thì người kia sẽ trả tiền chênh lệch tài sản cho người không lấy nhà.

Về nợ vay chung: đề nghị Tòa án chia đôi số nợ 50.000.000 đ của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; đối với khoản tiền lãi mà anh H đã đóng hàng tháng từ năm 2019 số tiền 8.256.229 đ cũng đồng ý như ý kiến của chị T.

Ông D: đề nghị Tòa án xem xét giải quyết khoản nợ vay 50.000.000 đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình của chị T và anh H đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên toà Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- về nội dung: về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Cao Thị T và anh Đinh Minh H; về con chung: giao con chung cháu Đinh Joong M, sinh ngày 01/6/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đinh Mỹ C, sinh ngày 10/9/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: giao 01 ngôi nhà và 01 ngôi nhà bếp cho chị T sở hữu, chị T trả tiền chênh lệch tài sản cho anh H số tiền 36.502.000 đ; đối với khoản vay chung: chia đôi khoản vay chung tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình anh H và chị T mỗi người phải trả 25.000.000 tiền gốc và lãi phát sinh; đối với khoản tiền lãi mà anh H đã trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình từ năm 2019 số tiền 8.256.229 đ ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự chị T sẽ trả cho anh H số tiền 4.128.000 đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: chị T yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với anh H, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại thôn Q, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh H kết hôn với nhau vào năm 2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị T: vợ chồng chị T và anh H không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về quan hệ con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Joong M, sinh ngày 01/6/2012 và cháu Đinh Mỹ C, sinh ngày 10/9/2015.

Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại hai con đang ở anh H, cháu M có nguyện vọng được ở với anh H cần giao cháu M cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị T có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu C nên giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho các đương sự trong việc nuôi dạy, chăm sóc con cái.

Hai bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[5]. Về quan hệ tài sản chung: hai vợ chồng có khối tài sản chung là: 01 ngôi nhà kết cấu sườn gỗ, cửa gỗ đơn giản, mái lợp tôn, xung quanh thưng ván gỗ, nền láng xi măng, được xây dựng vào năm 2015, diện tích 9,1m x 8,1m và 01 nhà bếp mái ngói Fibroximang đơn giản, xung quanh thưng Fibroximang, nền láng xi măng, được xây dựng vào năm 2019, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T có nguyện vọng lấy ngôi nhà, anh H cũng đồng ý như ý kiến của chị T nên cần giao ngôi nhà cho chị T sở hữu, chị T phải trả giá trị chênh lệch tài sản cho anh H số tiền 36.502.000 đ.

[6]. Về khoản vay nợ chung: đối với khoản vay số tiền 50.000.000 đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, chị T và anh H đều muốn chia đôi, Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu chia đôi số nợ là hợp lý, chị T và anh H mỗi người phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 25.000.000 đ và lãi phát sinh.

[7]. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh H đối với khoản tiền lãi mà anh H đã trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình từ năm 2019 số tiền 8.256.229 đ, chị T sẽ trả cho anh H số tiền 4.128.000 đ.

[8]. Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản chị Cao Thị T đã nộp là 2.000.000 đ, cần buộc anh Đinh Minh H phải trả lại cho chị T số tiền 1.000.000 đ.

[8]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[9]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T và anh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Cao Thị T và anh Đinh Minh H.

2. Về quan hệ con chung: giao con chung cháu Đinh Joong M, sinh ngày 01/6/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đinh Mỹ C, sinh ngày 10/9/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom đển cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, có quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

3.1. Xác định 01 ngôi nhà kết cấu sườn gỗ, cửa gỗ đơn giản, mái lợp tôn, xung quanh thưng ván gỗ, nền láng xi măng, được xây dựng vào năm 2015, diện tích 9,1m x 8,1m và 01 nhà bếp mái ngói Fibroximang đơn giản, xung quanh thưng Fibroximang, nền láng xi măng, được xây dựng vào năm 2019 có trị giá 73.004.000đ là của chị T và anh H.

3.2. Xác định khoản nợ vay 50.000.000 đ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa là nợ chung của chị T, anh H.

3.3. Chia cho chị Cao Thị T 01 ngôi nhà kết cấu sườn gỗ, cửa gỗ đơn giản, mái lợp tôn, xung quanh thưng ván gỗ, nền láng xi măng, được xây dựng vào năm 2015, diện tích 9,1m x 8,1m và 01 nhà bếp mái ngói Fibroximang đơn giản, xung quanh thưng Fibroximang, nền láng xi măng, được xây dựng vào năm 2019 có trị giá 73.004.000đ (bảy mươi tư triệu không trăm không bốn nghìn đồng).

3.4. Buộc chị T phải trả tiền chênh lệch tài sản cho anh H số tiền: 36.502.000 đ (ba mươi sáu triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng).

3.5. Buộc chị Cao Thị T và anh Đinh Minh H mỗi người phải trả 25.000.000 đ (hai mươi lăm triệu đồng) số tiền gốc và lãi phát sinh của khoản nợ vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

4. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đinh Minh H và chị Cao Thị T về việc chia đôi số tiền lãi mà anh H đã trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa từ năm 2019 cho đến ngày xét xử (30/7/2021) là 8.256.229 đ, chị T sẽ trả cho anh H số tiền 4.128.000 đ (bốn triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: anh Đinh Minh H phải trả cho chị Cao Thị T số tiền 1.000.000 đ (một triệu đồng).

6. Về án phí: chị Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004440 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Án phí phân chia tài sản chung và nợ chung: chị T và anh H mỗi người phải chịu 3.281.500 đ (ba triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/7/2021).

8. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Hóa S;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- Lưu hồ sơ.

Đinh Đức Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THÂM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**